

NỘI DUNG CẬP NHẬT TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ
(Kèm theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA CTGT
I. CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ VÀO CẤP

(Có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là HL 93 hoặc tương đương)

TT	Tên đường	Chiều dài (Km)	Thông tin cơ bản về tuyến, đoạn tuyến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	ĐT 902		Hạn chế tải trọng trên trục xe 12t	
	Km25+767 - Km33+026	7,259	Chiều rộng mặt đường 9 m	Cấp III
2	ĐT 903		Hạn chế tải trọng trên trục xe 10t	
	Km10+600 - Km14+300	3,70	Chiều rộng mặt đường 5,2m	Đang cải tạo nâng cấp
	ĐƯỜNG NỘI Ô TỈNH TP.VĨNH LONG			
1	Đường Bờ Kênh	1,45	Chiều rộng mặt đường 14m Hạn chế tải trọng trên trục xe 10t	Đô thị loại II
2	Đường Võ văn Kiệt (đoạn từ Nguyễn Huệ đến Mậu Thân)	0,480	Chiều rộng mặt đường 8m+2m+8m Hạn chế trọng tải toàn bộ xe 10t	Đô thị loại II
3	Đường Võ văn Kiệt (km 000 + 000 đến km 000 + km 780)	0,780	Chiều rộng mặt đường 12m+6m+12m Không hạn chế tải trọng	Công trình cấp II
4	Đường Võ văn Kiệt (km 000 + 780 đến km 002 + km 267)	1,487	Chiều rộng mặt đường 12m+6m+12m Không hạn chế tải trọng	Công trình cấp II

II. CÁC VỊ TRÍ HẠN CHẾ KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ

TT	Tên đường	Lý trình		Tỉnh/ Thành phố	Cấp đường		Thông tin hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường			Ghi chú
		Từ Km...	Đến Km...		ĐB	MN	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
ĐƯỜNG TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG										
1	ĐT 901									
		Km00+000	Km05+274	Vĩnh Long	V		5,5m	4,6m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
		Km06+000	Km10+450	Vĩnh Long	V		5,5m	4,5m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
		Km10+450	Km14+100	Vĩnh Long	V		5,5m	4,6m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
		Km14+100	Km18+210	Vĩnh Long	V		5,5m	4,8m	Cáp viễn thông	
		Km18+210	Km21+300	Vĩnh Long	V		5,5m	5,0m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
		Km21+300	Km31+600	Vĩnh Long	V		5,5m	4,7m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
		Km31+600	Km50+00	Vĩnh Long	V		5,5m	4,5m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
2	ĐT 902									
		Km02+200	Km02+700	Vĩnh Long	III		9,0m	4,6m	Điện sinh hoạt, cáp viễn thông	
		Km02+750	Km08+400	Vĩnh Long	III		9,0m	5,0m	Điện sinh hoạt, cáp viễn thông	
		Km08+400	Km19+800	Vĩnh Long	III		9,0m	4,6m	Điện sinh hoạt, cáp viễn thông	
		Km19+800	Km23+500	Vĩnh Long	III		9,0m	4,0m	Điện sinh hoạt, cáp viễn thông	
		Km25+767	Km33+026	Vĩnh Long	III		9,0m	4,0m	Điện sinh hoạt, cáp viễn thông	
3	ĐT 903									
		Km00+000	Km10+600	Vĩnh Long	V		5,2m	4,0m	Cáp viễn thông	

		Km10+600	Km14+300	Vĩnh Long	V		5,2m		Đang cải tạo nâng cấp	
4	ĐT 904									
		Km00+000	Km12+900	Vĩnh Long	V		5,2m	4,4m	Cáp viễn thông	
		Km12+900	Km25+100	Vĩnh Long	V		5,2m	4,3m	Cáp viễn thông	
5	ĐT 905									
		Km00+000	Km08+500	Vĩnh Long	V		5,2m	4,8m	Cáp viễn thông	
		Km08+500	Km15+050	Vĩnh Long	V		5,2m	Không hạn chế	Không hạn chế	
6	ĐT 906									
		Km14+400	Km16+650	Vĩnh Long	V		5,2m	5,0m	Cáp viễn thông, thấp sáng	
CÁC ĐƯỜNG KHÁC										
1	Đường từ QL54 đến khu CN BM	Km01+000	Km02+380	Vĩnh Long	Đô thị loại IV		16m	Không hạn chế	Không hạn chế	